HoChiMinh City, September 5th 1988

TO: Director of the ODP office at 127 Lanjabhum Building South Sathorn Tai Road BangKok 10120 Thailand.
(Orderly Depature Program American Embassy, Box 58 APO San Francisco 96346-0001)

SUBJECT: Request for immigration to the United-States of American under the Orderly Depature-Program.

Dear Sir,

- I undersigned = NGUYỄN - VĂN - TÂN
- Nationality = VietNam
- Sex = Man
- Family Status = Wife + one child
- Address = 156A Hamlet 3 - Bình Hòa Village - Thuận An District Sông Bé town.
- Education = Course 6th of The Thủ Đức Police officer institute (Khóa 5/72 Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia Thủ Đức)
- Before April 30th 1975
  - Rank = Sub-lieutenant of Police
  - Military number = 292382
  - Occupation = Chuẩn Ban Tổng Vụ Sở Tổng Quản Trị - Khối Nhân Viên - Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát.
- After April 30th 1975 =

Education in Detention camp from June 27th 1975 to January 30th 1978

Due to the difficulty of my Situation and based on authority of your organization and spirit of the Humanitarian ACT. I With to request your assistance and interventon on my case. I need your support in oder for my family and I may authorized to leave VietNam by your arrangement and protection under The Orderly Depature Program to immigration to the USA

I need your help and support for the purpose of seeking freedom and liberty for my family and a meaningful education for my children.

Following are relatives to be evacuated with me to the USA :

Full name	Date of birth	Sex	Relation
1. NGUYỄN-THỊ-HUÊ-LUÂN	May 02nd 1953 Long An town	woman	wife
2. NGUYỄN-THỊ-THANH	November 24th 1985 Ho Chi Minh City	woman	daughter

Address : 219/126 Mai-xuân-thưởng Phường 6 Quận 6 Thành Phố Hồ Chí Minh.

Your Consideration on the above to help me through your humanitarian ACT will be highly appreciated

Respect fully yours
September 5th 1988

Nguyễn-văn-Tân

CDP IV #_____

Date:
Ngay: September 5th 1988

Fill out this questionaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào sổ câu hỏi sau dấy bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không dốc hoặc viết rành Anh-ngữ thi bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
goi so cau hoi nay toi:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lich can-ban

1. Name / Ho, tên : NGUYỄN-VAN-TÂN — Sex: / Phái Man

2. Other Names / Ho, tên khác : No

3. Date/Place of Birth / Ngày/Nơi Sinh : November 27th 1953 Saigon

4. Residence Address / Dia-chi thuong-tru : 156A Harlet 3 Bình Hòa Village - Thuận An District - Sông Bé Province

5. Mailing Address / Dia-chi thô-tu : 219/126 Lai-Xuân-Thường Phường 6 Quận 6 Thành Phố Hồ Chí Minh

6. Current Occupation / Nghề-nghiệp hiện tại : a farmer

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

WARNING: Spouse and unmarrie-children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced(D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

	Name / Họ, tên	Date of Birth / Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth / Nơi sinh	Sex / Phái	MS / Tình trạng gia đình	Relationship / Liên-hệ gia-đi
1.	NGUYỄN-THỊ-KIỀU-LUẬN	May 2nd 1953	Đức Hòa Village Long An Province	(M)		Wife
2.	NGUYỄN-THỊ-THANH	November 24th 1985	HoChiMinh City	Woman		Daughter
3.						
4.						
5.						
6.						
7.						
8.						
9.						
10.						
11.						
12.						

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình: Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

	Of Myself/cua toi	Of My Spouse/cua vo-chong
1. closest Relative In the U.S. Bà con thân thuoc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Ho, tên :		KEVIN KIET-MINH-LE
b. Relationship Liên-hệ gia-dinh :		Brother-in-law
c. Address Dia-chỉ :		
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngay bà con đến Mỹ :		September 1981
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Ba con than-thuoc nhat o cac nuoc khac		
a. Name Ho, tên :		
b. Relationship Liên-hệ gia-dinh :		
c. Address Dia-chỉ :		

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Dinh (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYỄN-VĂN-TƯƠNG (Living), 1924, 156A Hamlet 3 Bình Hòa Village Thuận District Sân Bé Province

2. Mother
Me : NGUYỄN-THỊ-THAO (Living), 1926, 219/126 Mai-Xuân-Thưởng Phường 6 Quận 6 Thành Phố Hồ Chí Minh

3. Spouse
Vò/Chồng: : NGUYỄN-THỊ-NGỌC-LUÂN

4. Former Spouse (if any)
Vở/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái: (1) NGUYỄN-THỊ-THANH
(2)
(3)
(4)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh Chị em: (1) NGUYỄN-THỊ-HOA, April 24th 1957 Saigon, Woman, 219/126 Mai Xuân Thưởng Phường 6 Quận 6 Thành Phố Hồ Chí Minh
(2)
(3) (Living)
(4)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

1. Tên họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-phòng :

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng :

Length of Employment From: To:
thời-gian làm việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name
tên Họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng :

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên Họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN-VĂN-TẤN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ October 20th 1972 Tới April 30th 1975

3. Last Rank Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : Sub-lieutenant Số thẻ nhân-viên: 292302

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/Sở/Đơn-vị Binh-Chủng : ~~Ban Tổng Vụ Sở Tổng Quản Trị-Khối Nhân Viên-Bộ~~ Tư Lệnh Cảnh Sát

5. Name of Supervisor/C.O.,
Họ tên người giám-thị/si-quan chỉ-huy : Đại-Tá NGUYỄN-PHÚ-SANH, Phụ tá Tư Lệnh Cảnh Sát Trưởng-Khối Nhân Viên

~~Trung-Tá PHẠM-VĂN-HẬU, Chánh-Sở Tổng-Quản-Trị~~

6. Ly do nghi viec : April 30th 1975

7. Names of American Advisor(s):
Ho ten co-van My :

8. U.S. Training courses in Vietnam:
Chuong-Trinh huan-luyen Hoa-Ky
tai Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phan-thuong hoac giay khen: Ngay nhan:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificated, if available. Available? Yes___ No___.)
(CHU-Y: Xin ban kem theo bat cu van-bang, giay ban-khen, hoac chung-thu neu co. Duong su co khong? Co___ Khong___.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoac Vo/chong da huan-luyen o ngoai quoc

1. Name of Student/Trainee:
Ho ten Sinh-vien/nguoi duoc huan-luyen:

2. School and School Address :
Truong va dia-chi nha truong :

3. Dates: From To
Ngay, thang, nam Tu: Toi:

4. Description of Courses :
Mo-ta nganh hoc :

5. Who paid for training? :
Ai dai-tho chuong-trinh huan-luyen? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes___ NO___.)
(CHU-Y: Xin ban kem theo van-bang, hoac chi thi neu co. Ban co hay khong? Co___ Khong___.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoac Vo/chong da hoc-tap cai tao

1. Name of Person in Reeducation:
Ho ten nguoi di hoc-tap cai-tao : NGUYEN-VAN-TAN

2. Time in Reeducation: From: June 27th 1975 To: January 30th 1978
Thoi gian hoc-tap Tu: Toi:

3. Still in Reeducation?* Yes No
Van con hoc-tap cai-tao?* Co Khong

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Neu duoc tha, chung toi can mot ban sao giay ra trai.)

I. Any Additional Remarks?/Cuoc chu phu-thuoc

My address is different from my wife's one

Signature
Ky ten : Nam

Date
Ngay: September 5th 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin neu ra tat-ca giay-to kem theo voi so cau hoi nay

- ~~Release Certificate of mine~~
- Birth Certificate of mine
- Married Certificate of mine and wife
- Birth Certificate of my wife
- Birth Certificate of my child
- Three fotoes

ODP-B
G/84

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
Số: 26/120

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số ______ ngày ______ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 120 ngày 27 - 10 - 77 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn văn Tam

Ngày, tháng, năm sinh: 27 - 11 - 1953

Quê quán: Sông Bé

Trú quán: ấp 3 - Bình Hòa - Thuận An - Sông Bé

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: [illegible]

[illegible]

Khi về, phải trực tiếp trình nay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: xã Bình Hòa thuộc Huyện, Quận: Thuận An Tỉnh, Thành phố: Sông Bé

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Sáu tháng
- Thời hạn đi đường: [illegible] ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: [illegible]

Ngày 31 tháng 1 năm 1978

[signature]

Trung Tá

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận Nhì

Số hiệu : 7207

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA KHÔNG/5b.

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi ba(1953)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	NGUYEN VAN TAM
Phái.	nam
Ngày sanh	hai mươi bay thang mươi mot, nam mot ngan chin tram nam mươi ba, 16 gio
Nơi sanh	Saigon, 20, duong ARRAS
Tên, họ người Cha . .	———
Tuổi.	———
Nghề-nghiệp. . . .	———
Nơi cư-ngụ	———
Tên, họ người Mẹ. . .	NGUYEN THI THAO
Tuổi.	———
Nghề-nghiệp	buon ban
Nơi cư-ngụ	Cholon, 25, duong Le Gem
Vợ chánh hay thứ. . .	———

Làm tại Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 19 53

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 18 tháng 10 năm 19 72

QUẬN TRƯỞNG QUẬN NHÌ,

NIÊM-THU

ĐÔ THÀNH SAIGON

NIÊM-THUẾ

ỦY BAN NHÂN DÂN — CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM — Mẫu số HT12/PX

Xã, Phường Bình Hòa — Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Huyện, Quận Thuận An

Tỉnh, Thành phố Sông Bé

QĐ số
Ngày
Số 81
Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

	CHỒNG	VỢ
Họ và tên	NGUYỄN VĂN TÂN	NGUYỄN THỊ HUỆ LUÂN
Bí danh	Không	Không
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	27. 11. 53	1953
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Nội trợ
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	156A ấp 3 xã Bình Hòa Huyện Thuận An Sông Bé	219/126 Hoài Xuân Phường Phường 6 Quận 6 Thành Phố H
Số giấy chứng minh nhân dân:	280325427	280033579
hoặc hộ chiếu		

Đăng ký ngày 30 tháng 10 năm 1983

Người chồng ký — Người vợ ký — TM. U.B.N.D. xã Bình Hòa

Nguyễn văn Tân — Nguyễn thị Huệ Luân — Tống văn Khoa

TP. 691.77 – 2.000.000

Số 506.

CÔNG Y BẢN CHÁNH

Xã ... U.B.N.D. P.6.Q.6

ngày 18 tháng 9 năm 84

TM. UBND P.6.Q.6

CHÂU NGỌC PHƯỚC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA SƠ-THẨM
Long-An

PHÒNG LỤC-SỰ

Mẫu 182 / ĐP 125 / LS 50
Khổ 21 x 27

TRÍCH-LỤC ÁN NGUYÊN ĐƠN TÒA Long-An

Ngày 6 tháng 7 năm 1960

Số 2321-NĐ/

Án thế-vì khai-sanh cho
Nguyễn-Thị-Huê-Luân

Tòa Long-An xử về việc Hộ trong phiên nhóm công khai ngày 6 tháng 7 năm 1960 có mặt các Ông:

Chánh-Án: Nguyễn-Mạnh-Nhụ
Biện-Lý :
Lục-Sự : Huỳnh-Trung-Chánh

đã tuyên bản án như sau:

BẢN ÁN — TÒA ÁN

Chiếu đơn của Nguyễn-văn-Bốn

BỞI CÁC LẼ ẤY:

xxxxxxxxxxxx

Phán rằng : Nguyễn-Thị-Huê-Luân, nữ, sanh ngày 2-5-1953 ; tại xã Đức-Hòa (Long-An) là con ngoại-hôn của Nguyễn-văn-Bốn và Huỳnh-thị-Lựa./-

Phán rằng án này, thế-vì khai-sanh cho trẻ ấy
Truyền ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

và lược-biên án này vào lề tờ khai-sanh gần nhứt ngày
lưu-trữ tại

và tại Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại.

Truyền nguyên-đơn chịu án-phí
Án này thảo, thẩm và tuyên vào ngày, tháng và năm ghi trên.
Ký tên:

Trước-bạ tại Long-An ngày 23-8-1960
Quyển Tờ Số
Thâu

GIÁ TIỀN	
Con niêm..	50 $ 00
Bổng lộc...	5 $ 00
Biên-lai ..	1 $ 00
Cộng chung	56 $ 00

BL-5373

TRÍCH-Y BẢN CHÁNH
Long-An, ngày 16 tháng 7 năm 1974
CHÁNH LỤC-SỰ,

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
NHÀ TRƯỚC BẠ VÀ CON NIÊM
CHÁNH LỤC-SỰ
LONG-AN

Nam/10B

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn PHƯỜNG 6

Thị xã, Quận 6

Thành phố, Tỉnh HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Mẫu HT3, P3

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 5064

Quyển số 3/85

Họ và tên	NGUYỄN THỊ THANH	Nam, nữ Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi bốn, tháng mười một, năm một chín tám lăm (24 - 11 - 1985)	
Nơi sinh	Bệnh viện phụ sản	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Văn Tân 1953	Nguyễn Thị Huê Luân 1953
Dân tộc Quốc tịch	Kinh VIỆT	Kinh NAM
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Làm rẫy ẤP 3, xã Bình Hoà	Công nhân 219/126 Mai Xuân Thưởng
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NguyễnThị Huê Luân, 1953	

Đăng ký ngày 01 *tháng* 12 *năm* 1985

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

UỶ VIÊN THƯ KÝ

Nguyễn Minh Hoàng

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày ____ *tháng* ____ *năm* ____

TM/UBND ____ ký tên đóng dấu

HoChiMinh City, September 5th 1988

TO: Director of the ODP office at 127 Lanjabhum Building South Sathorn Tai Road BangKok 10120 Thailand.
(Orderly Depature Program American Embassy, Box 58 APO San Francisco 96346-0001)

SUBJECT: Request for immigration to the United-States of American under the Orderly Depature-Program.

Dear Sir,

- I undersigned = NGUYỄN - VĂN - TÂN
- Nationality = VietNam
- Sex = Man
- Family Status = Wife + one chied
- Address = 156A Hamlet 3 - Bình Hòa Village - Thuận An District Sông Bé town.
- Education = Course 6th of The Thủ Đức Police officer institude (Khóa 5/72 Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia Thủ Đức)
- Before April 30th 1975
  - Rank = Sub-lieutenant of Police
  - Military number = 292382
  - Occupation = Chuẩn Bàn Tổng Vụ Sở Tổng Quản trị - Khối Nhân Viên - Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát.
- After April 30th 1975 =

Education in Detention camp from June 27th 1975 to January 30th 1978

Due to the difficulty of my Situation and based on authority of your organization and spirit of the Humanitarian ACT. I Wish to request your assistance and intervention on my case. I need your support in oder for my family and I may authorized to leave VietNam by your arrangement and protection under The Orderly Depature Program to immigration to the USA

I need your help and support for the purpose of seeking freedom and liberty for my family and a meaningful education for my children.

Following are relatives to be evacuated with me to the USA :

Full name	Date of birth	Sex	Relation
1. NGUYỄN-THỊ-HUÊ-LUÂN	May 02nd 1953 Long An town	woman	wife
2. NGUYỄN-THỊ-THANH	November 2th 1985 HoChiMinh City	woman	daughter

Address : 219/126 Hoai-xuân-Phường 1 Phường 6 Quận 6 Thành Phố Hồ Chí Minh.

Your Consideration on the above to help me through your Humanitarian ACT will be highly appreciated

Respect fully yours
September 5th 1988

Nguyễn-văn-Tân

CDP IV # _____

Date:
Ngay: September 5th I 88

Fill out this questionaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào sổ câu hỏi sau dấy bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không dộc hoặc viết rành Anh-ngữ thi bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
goi so cau hoi nay toi:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lich can-ban

1. Name / Ho, tên : NGUYỄN-VAN-TÂN — Sex: / Phái Man

2. Other Names / Ho, tên khác : No

3. Date/Place of Birth / Ngày/Nơi Sinh : November 27th 1953 Saigon

4. Residence Address / Dia-chi thuong-tru : 156A Hamlet 3 Binh Hoa Village - Thuận An District - Sông Bé Province

5. Mailing Address / Dia-chi thò-tu : 219/126 Lai-Xuân-Thường Phường 6 Quận 6 Thành Phố Hồ Chí Minh

6. Current Occupation / Nghé-nghiệp hiện tại : a farmer

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cung di với tôi

WARNING: Spouse and unmarrie-children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced(D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng di với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đa ly di (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc doc than (S).)

	Name / Họ, ten	Date of Birth / Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth / Nơi sinh	Sex / Phái	MS / Tình trạng gia đình	Relationship / Liên-hệ gia-đình
1.	NGUYỄN-THỊ-HUỆ-LUẬN	May 2nd 1953	Đức Hòa Village Long An Province	(M)		wife
2.	NGUYỄN-THỊ-THƯ	November 24th 1975	HoChiMinh City	woman		Daughter
3.						
4.						
5.						
6.						
7.						
8.						
9.						
10.						
11.						
12.						

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(CHÚ-Ý: Cho mỗi người co tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly di), giấy khai-tu của vò/chồng (nếu goá phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu co), và hình: Nếu bà con sẽ cùng di với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết dia-chỉ của họ trong phần I.)

	Of Myself/cua toi	Of My Spouse/cua vợ-chồng
1. closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, tên :		KEVIN KIET-MINH-LE
b. Relationship Liên-hệ gia-đình :		Brother-in-law
c. Address Địa-chỉ :		I0420 SW 49 St Miami Florida 33165 U.S.A
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ :		September I9[illegible]I
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Ba con than-thuoc nhat o cac nuoc khac		
a. Name Họ, tên :		
b. Relationship Liên-hệ gia-đình :		
c. Address Địa-chỉ :		

D. <u>Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)</u>

1. Father
   Cha : NGUYỄN-VAN-TUONG (Living),I924,I56A Hamlet 3 [illegible] Hoa Village [illegible]
   District [illegible]
2. Mother
   Mẹ : [illegible]-THỊ-[illegible] (Living),I92[illegible], 2[illegible]/T2[illegible] [illegible] Phường [illegible]
   Quận [illegible] Thành Phố Hồ Chí Minh
3. Spouse
   Vợ/Chồng: : [illegible]-THỊ-[illegible]-L[illegible]
4. Former Spouse (if any)
   Vợ/Chồng trước (nếu có):
5. Children
   Con cái: (1) [illegible]-THỊ-[illegible]
   (2)
   (3)
   (4)
   (5)
   (6)
   (7)
   (8)
   (9)
6. Siblings
   Anh Chị em: (1) NGUYỄN-THỊ-HOA, April I4th I957 Saigon, Women, 2[illegible]/I2[illegible] [illegible] Xuân [illegible]
   Phường 6 Quận 6 Thành Phố Hồ Chí [illegible]
   (Living)
   (2)
   (3)
   (4)
   (5)
   (6)
   (7)
   (8)
   (9)

1. Tên họ nhân-viên :

   Position title
   Chức-vụ :

   Agency/Company/Office
   Sở/Hãng/Văn-phòng :

   Length of Employment From: To:
   Thời-gian làm-việc Từ Tới

   Name of American Supervisor
   Tên họ giám-thị Mỹ:

   Reason for Separation
   Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name
   Tên họ nhân-viên :

   Position title
   Chức-vụ :

   Agency/Company/Office
   Sở/Hãng/Văn-Phòng :

   Length of Employment From: To:
   thời-gian làm việc Từ Tới

   Name of American Supervisor
   Tên họ giám-Thị Mỹ:

   Reason for Separation
   Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name
   tên Họ nhân-viên :

   Position title
   Chức-vụ :

   Agency/Company/Office
   Sở/Hãng/Văn-Phòng :

   Length of Employment From: To:
   Thời gian làm việc Từ Tới

   Name of American Supervisor
   Tên Họ giám-thị Mỹ:

   Reason for Separation
   Lý do nghỉ việc :

Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ vời Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
   Họ tên người tham-gia: NGUYỄN-VĂN-TÂU

2. Dates: From: To:
   Ngày, tháng, năm Từ October 20th 1972 Tới April 30th 1975

3. Last Rank Serial Number:
   Cấp-bậc cuối-cùng : Sub-lieutenant Số thẻ nhân-viên: 292362

4. Ministry/Office/Military Unit
   Bộ/Sở/Đơn-vị Binh-Chủng : ~~Bản Tổng Vụ Sở Tổng Quản Trị-Khối Nhân Viên-Bộ~~ Tư Lệnh Cảnh Sát

5. Name of Supervisor/C.O.,
   Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Đại-Tá NGUYỄN-PHÚ-SANH, Phụ tá Tư Lệnh Cảnh Sát Trưởng-Khối Nhân Viên

   Trung-Tá PHẠM-VĂN-HẬU, Chánh-Sở Tổng-Quản-Trị

6. Ly do nghi viec : April 30th 1975

7. Names of American Advisor(s):
Ho ten co-van My :

8. U.S. Training courses in Vietnam:
Chuong-Trinh huan-luyen Hoa-Ky
tai Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phan-thuong hoac giay khen: Ngay nhan:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificated, if available. Available? Yes___ No___.)
(CHU-Y: Xin ban kem theo bat cu van-bang, giay ban-khen, hoac chung-thu neu co. Duong su co khong? Co___ Khong___.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoac Vo/chong da huan-luyen o ngoai quoc

1. Name of Student/Trainee:
Ho ten Sinh-vien/nguoi duoc huan-luyen:

2. School and School Address :
Truong va dia-chi nha truong :

3. Dates: From To
Ngay, thang, nam Tu: Toi:

4. Description of Courses :
Mo-ta nganh hoc :

5. Who paid for training? :
Ai dai-tho chuong-trinh huan-luyen? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes___ NO___.)
(CHU-Y: Xin ban kem theo van-bang, hoac chi thi neu co. Ban co hay khong? Co___ Khong___.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoac Vo/chong da hoc-tap cai tao

1. Name of Person in Reeducation:
Ho ten nguoi di hoc-tap cai-tao : NGUYỄN-VAN-TÂN

2. Time in Reeducation: From: June 27th 1975 To: January 30th 1978
Thoi gian hoc-tap Tu: Toi:

3. Still in Reeducation?* Yes No
Van con hoc-tap cai-tao?* Co Khong

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Neu duoc tha, chung toi can mot ban sao giay ra trai.)

I. Any Additional Remarks?/Cuoc chu phu-thuoc

My address is different from my wife's one

Signature Date
Ky ten : Ngay: September 5th 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin neu ra tat-ca giay-to kem theo voi so cau hoi nay

- ~~Release Certificate of mine~~
- Birth Certificate of mine
- Married Certificate of mine and wife
- Birth Certificate of my wife
- Birth Certificate of my child
- Three fotoes

ODP-B
G/84

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
Số: 26/120

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số ______ ngày ______ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 120 ngày 27 - 12 - 77 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn văn Tâm

Ngày, tháng, năm sinh: 27 - 11 - 1953

Quê quán: Sông Bé

Trú quán: [illegible] - Thuận An - Sông Bé

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: [illegible]

[illegible]

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: xã Bình Hòa thuộc Huyện, Quận: Thuận An Tỉnh, Thành phố: Sông Bé

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Sáu tháng
- Thời hạn đi đường: ______ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: [illegible]

Ngày 31 tháng 1 năm 1978

Trung-Tá [illegible]

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận NHÌ

Số hiệu : 7297

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA KHÔNG/5b.

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi ba(1953)

Tên, họ đứa nhỏ . .	NGUYEN VAN TAM
Phái.	nam
Ngày sanh	hai mươi bay thang mươi mot, nam mot ngan chin tram nam mươi ba, 16 giờ
Nơi sanh	Saigon, 284, đường ARRAS
Tên, họ người Cha . .	———
Tuổi.	———
Nghề-nghiệp. . . .	———
Nơi cư-ngụ	———
Tên, họ người Mẹ. .	NGUYEN THI THAO
Tuổi.	———
Nghề-nghiệp	buon ban
Nơi cư-ngụ	Cholon, 25, đường Le Gem
Vợ chánh hay thứ. .	———

Lập tại Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 19 53

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 18 tháng 10 năm 19 72

QUẬN TRƯỞNG QUẬN NHÌ,

NIÊM-THUẾ

ĐÔ THÀNH SAIGON

NIÊM-THUẾ

ỦY BAN NHÂN DÂN — CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM — Mẫu số HT12/PS

Xã, Phường Bình Hòa — Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Huyện, Quận Thuận An

Tỉnh, Thành phố Sông Bé

QĐ số

Ngày

Số 81

Quyển số 81

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

	CHỒNG	VỢ
Họ và tên	NGUYỄN VĂN TÂN	NGUYỄN THỊ HUỆ LUÂN
Bí danh	Không	Không
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	27. 11. 53	1953
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm rẫy	Y tá
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	156A ấp 3 xã Bình Hòa Huyện Thuận An Sông Bé	219/126 Mai Xuân Thưởng Phường 6 Quận 6 Thành Phố HCM
Số giấy chứng minh nhân dân: hoặc hộ chiếu	280325427	280033579

Đăng ký ngày 30 tháng 10 năm 1983

Người chồng ký — Người vợ ký — TM. U.B.N.D. Xã Bình Hòa

Nguyễn văn Tân — Nguyễn thị Huệ Luân — Tống văn Khoa

TP. 691:77 — 2.000.000

Số 506

GIỐNG Y BẢN CHÁNH

Xác ... B.N.D.P.6.0.6

... 18 ... ng 4 năm 84

TM.U... 6.0.6

CHÂU NGỌC PHƯỚC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA SƠ-THẨM
Long-An

PHÒNG LỤC-SỰ

Mẫu 182 / BP 125 / LS 56
Khổ 21 x 27

TRÍCH-LỤC ÁN NGUYÊN ĐƠN TÒA Long-An

Ngày 6 tháng 7 năm 1960

Số 2321-MC/

Án thế-vì khai-sanh cho

Nguyễn-Thị-Huê-Duân

Tòa Long-An xử về việc

Hộ trong phiên nhóm công khai

ngày 6 tháng 7 năm 1960

có mặt các Ông:

Chánh-Án: Nguyễn-Manh-Nhụ

Biện-Lý :

Lục-Sự : Huỳnh-Trung-Chánh

đã tuyên bản án như sau:

BẢN ÁN — TÒA ÁN

Chiếu đơn của Nguyễn-văn-Bốn

BỞI CÁC LẼ ẤY:

Phán rằng : Nguyễn-Thị-Huê-Duân, nữ, sanh ngày 2-5-1953 ; tại xã Mỏ-Hòa (Long-An) là con ngoại-hôn của Nguyễn-văn-Bốn và Huỳnh-thị-Lựa./-

Phán rằng án này, thế-vì khai-sanh cho trẻ ấy
Truyền ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

và lược-biên án này vào lề tờ khai-sanh gần nhứt ngày
lưu-trữ tại

và tại Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại.

Truyền nguyên-đơn chịu án-phí
Án này thảo, thẩm và tuyên vào ngày, tháng và năm ghi trên.
Ký tên:

Trước-bạ tại Long-An ngày 23-8-1960
Quyển Tờ Số
Thâu

GIÁ TIỀN	
Con niêm..	50 $ 00
Bổng lộc...	5 $ 00
Biên-lai ..	1 $ 00
Cộng chung	56 $ 00

BI-5373

Long-An, ngày 16 tháng 7 năm 1974

TRÍCH-LỤC BẢN CHÁNH
CHÁNH LỤC-SỰ,

Nam/10B

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn PHƯỜNG 6

Thị xã, Quận 6

Thành phố, Tỉnh HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 5064

Quyển số 3/85

Họ và tên	NGUYỄN THỊ THANH	Nam, nữ Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi bốn, tháng mười một, năm một chín tám lăm (24 - 11 - 1985)	
Nơi sinh	Bệnh viện phụ sản	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Văn Tân 1953	Nguyễn Thị Huê Luân 1953
Dân tộc Quốc tịch	Kinh VIỆT	Kinh NAM
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Làm rẫy ẤP 3, xã Bình Hoà	Công nhân 219/126 Mai Xuân Thưởng
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NguyễnThị Huê Luân, 1953	

Đăng ký ngày 01 *tháng* 12 *năm* 1985

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

UỶ VIÊN THƯ KÝ

Nguyễn Minh Hoàng

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày ____ *tháng* ____ *năm* ____

TM/UBND ____ ký tên đóng dấu

Mr. & Mrs. Kiet-Minh-Le

TO: HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

NOV 0 9 1988

FIRST CLASS U.S.A